

**CÁC CHỈ TIÊU PHÂN ĐẦU TRONG NĂM HỌC 2019-2020
CỦA TRƯỜNG THCS: HOÀ PHÚ**

NỘI DUNG	KẾT QUẢ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM HỌC 2018-2019		CÁC CHỈ TIÊU PHÂN ĐẦU TRONG NĂM HỌC 2019-2020	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
I./ PHÁT TRIỂN SỐ LƯỢNG				
1. Tổng số lớp	25	//////////	25	//////////
Trong đó : - Lớp 6	7	//////////	7	//////////
- Lớp 7	7	//////////	7	//////////
- Lớp 8	6	//////////	6	//////////
- Lớp 9	5	//////////	5	//////////
2. Tổng số học sinh :	934	//////////	985	//////////
Trong đó : - Học sinh lớp 6	272	//////////	267	//////////
* Riêng số HS mới tuyển vào lớp 6	267	//////////	261	//////////
- Học sinh lớp 7	253	//////////	260	//////////
- Học sinh lớp 8	208	//////////	254	//////////
- Học sinh lớp 9	202	//////////	204	//////////
5. Số học sinh bỏ học	6	0.63	6	0.6
6. Số lớp học 2buổi/ngày	25	100	25	100
7. Số học sinh học 2buổi/ngày	934	100	985	100
8. Số lớp học 1buổi/ngày	0	0	0	0

9. Số học sinh học 1 buổi/ ngày	0	0	0	0
II./ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC				
1. Hạnh kiểm :	934		985	
- Tốt	874	93.58		94
- Khá	60	6.42		6
- Trung bình	0	0	0	0
- Yếu	0	0	0	0
2. Học lực :	934		985	
- Giỏi	258	27.62		28
- Khá	326	34.9		35
- Trung bình	321	34.37		34
- Yếu	25	2.68		2.6
- Kém	4	0.43		0.4
3. HS lên lớp thẳng	905	96.89		97
4. HS lưu ban hẳn	4	0.43		0.4
5. HS thi lại	25	2.68		2.8
6. Tổng số HS lên lớp sau khi thi lại	922	98.72		99
7. Tổng số HS lưu ban sau khi thi lại	12	1.28		1
8. Tốt nghiệp THCS	201	100		100
9. Tổng số HS trúng tuyển vào trường THPT	128	72		75
10. Tổng số HS học Tr.C (Nghề) và TTGDTX	60/73	82.19		90
11. Hiệu suất đào tạo		90.47		95
12. Số học sinh giỏi cấp huyện	16		16	
13. Số học sinh giỏi cấp thành phố	5		5	

14. Số đề tài khoa học kỹ thuật cấp thành phố	0			
15. Số học sinh biết bơi (K6,7,8,9)	438/934	46,89	513/985	52,08
+ Số học sinh lớp 6:	125/272	45,95	138/267	51,68
+ Số học sinh lớp 7:	120/253	47,43	135/260	51,92
+ Số học sinh lớp 8:	98/208	47,11	132/254	51,96
+ Số học sinh lớp 9:	95/201	47,26	108/204	52,94
III./ XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ :				
1. Tổng số cán bộ ,GV,CNV	50		48	
Trong đó : - HT , PHT	2		2	
- GV trực tiếp dạy	37		36	
- GV công tác khác	6		5	
- Công nhân viên	5		5	
2. Trình độ giáo viên	45		43	
- Trên Đại học	0		0	
- Đại học	39	86.66	39	90.69
- Cao Đẳng	6	13.34	6	13.34
3. Đánh giá xếp loại theo chuẩn nghề nghiệp GVTHCS.Trong đó Đạt chuẩn:				
- Loại xuất sắc	37	82.2	37	86
- Loại khá	8	17.8	6	14
- Loại trung bình	0	0	0	0
Chưa đạt chuẩn:- Kém	0	0	0	0
4. Chiến sĩ thi đua: - Cấp huyện	3	6.66	5	11.6
- Cấp TP	0	0	0	0

5- Số sáng kiến kinh nghiệm	3		5	
6- Số chuyên đề ,hội thảo	10		10	
- Cấp trường	10		10	
- Cấp cụm	0			
- Cấp huyện	0			
V-HOẠT ĐỘNG ĐOÀN THỂ ,XÃ HỘI,NGOẠI KHÓA ,THƯ VIỆN				
1- Chi bộ	HTTNV		Xuất sắc	
2- Công Đoàn	VM		VM	
3- Chi Đoàn	Khá		Tốt	
4- Liên Đội	Tiên tiến		Tiên tiến	
5- Ban đại diện cha mẹ học sinh	Tốt		Tốt	
6- Xã hội hóa giáo dục	Tốt		Tốt	
7- Các hoạt động ngoại khóa	Tốt		Tốt	
8- Thư viện đạt danh hiệu	Tiên tiến		Tiên tiến	
9-Thiết bị được xếp loại	Khá		Tốt	
VI. DANH HIỆU THI ĐUA ĐƠN VỊ	LĐTT			
1- Tập thể lao động tiên tiến	TT.LĐTT		TT.LĐTT	
2- Tập thể lao động xuất sắc				
3- Cờ thi đua xuất sắc của T.Phố				
4- Tiên tiến TĐTT cấp huyện				
5- Tiên tiến TĐTT Cấp TP				
6- Bằng khen UBND T.phố				
7- Bằng khen Bộ Trưởng Bộ GD&ĐT				

8- Bằng khen Thủ Tướng				
------------------------	--	--	--	--

NGƯỜI LẬP BẢNG

HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)

Võ Hồng Vỹ